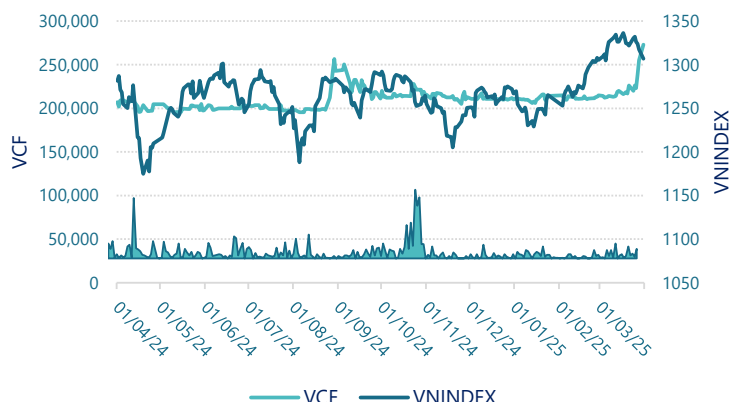


CTCP Vinacafé Biên Hòa (HSX: VCF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	272,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	272,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	195,469
SL cổ phiếu LH	26,579,135
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,475
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,253
P/E	14.9
EPS	18,278

DT thuần

Q1/25

673

tỷ VNĐ

QoQ: ▼216 | -24.3%

YoY: ▲ 189 | 39.0%

LN sau thuế

Q1/25

128

tỷ VNĐ

QoQ: ▼31.0 | -19.4%

YoY: ▲ 39.3 | 44.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

22.1%

+/- YoY: ▼ 2.3%

DT thuần

2024

2,556

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 203 | 8.7%

LN sau thuế

2024

446

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.00 | -0.8%

ROE

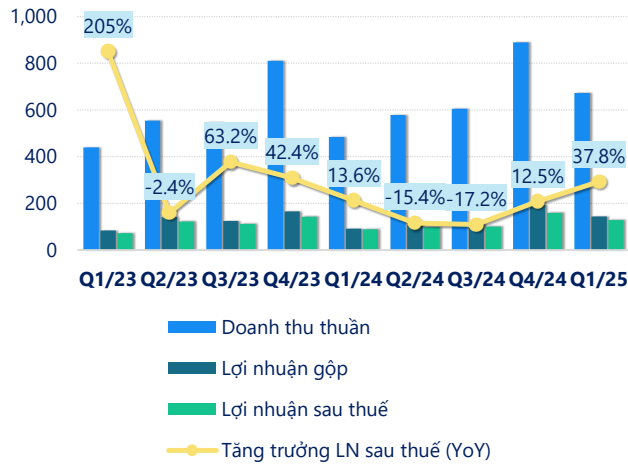
2024

22.3%

+/- YoY: ▼ 1.6%

tỷ VNĐ

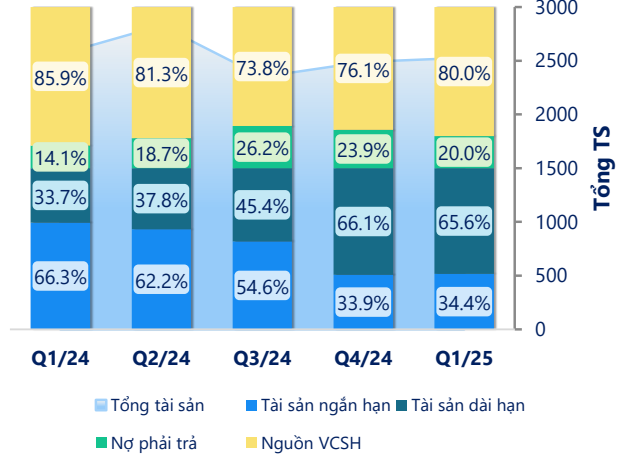
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

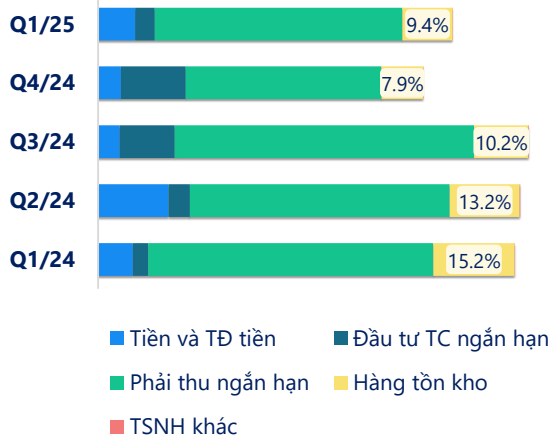
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



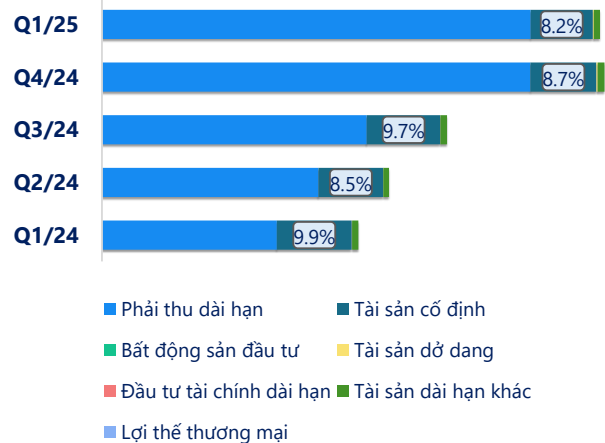
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

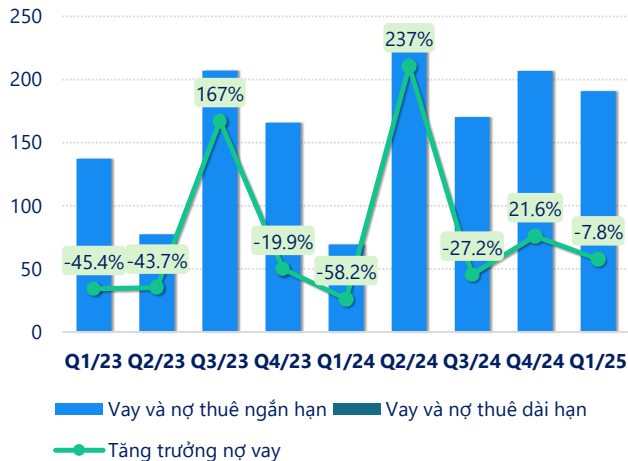
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

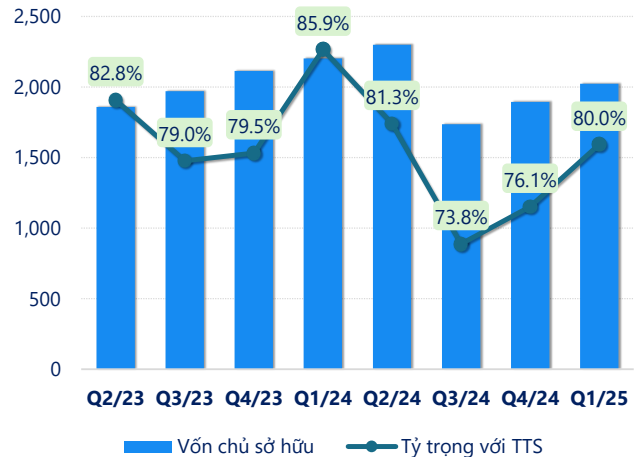
Nợ vay



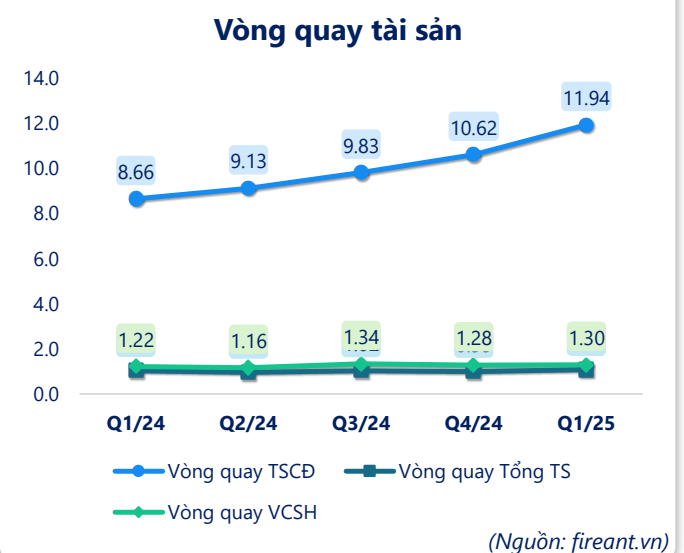
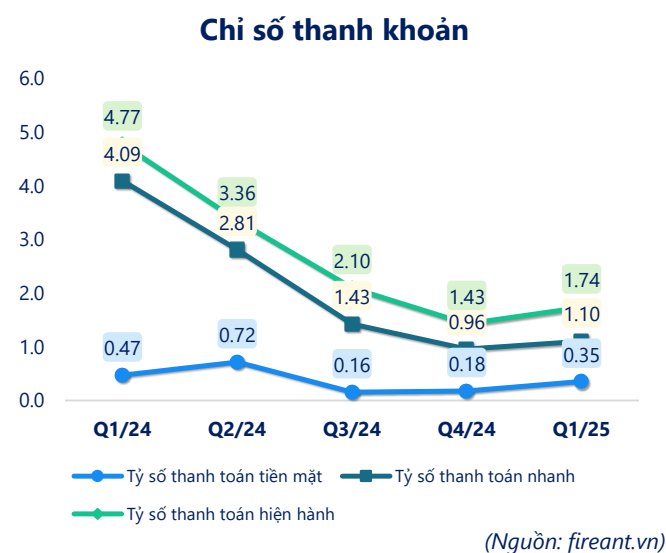
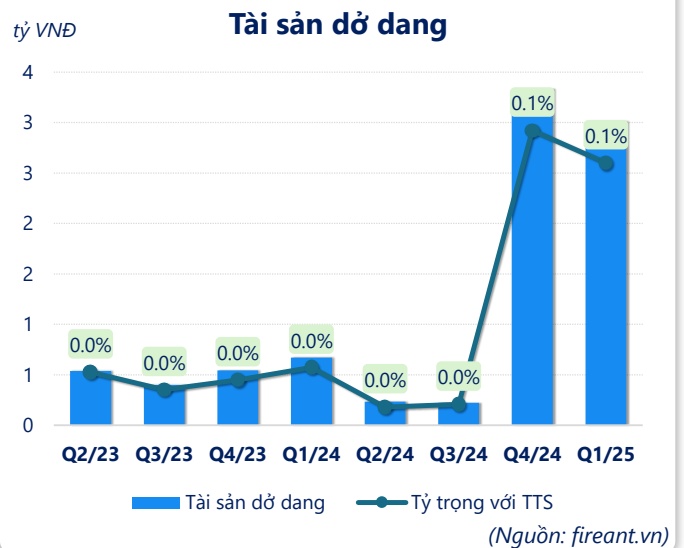
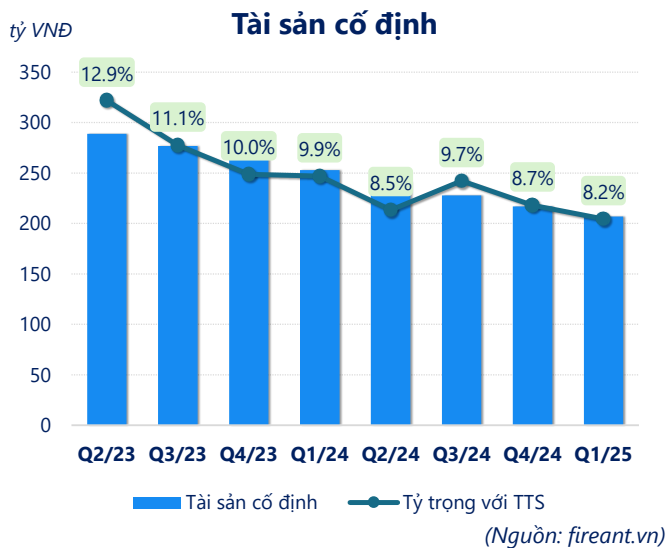
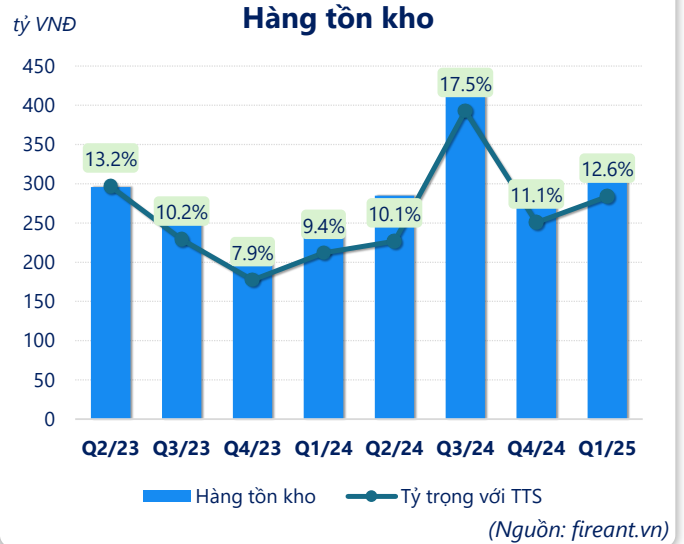
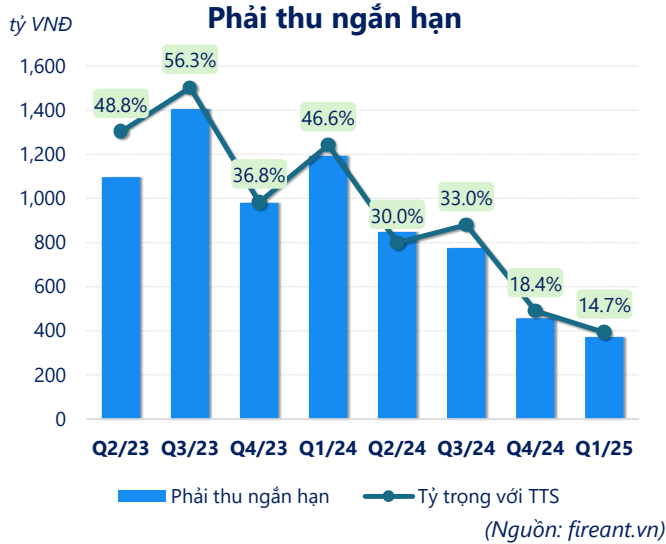
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	2,562	2,828	2,351	2,488	2,528
Tài sản ngắn hạn	1,698	1,760	1,283	843	871
Tiền và tương đương tiền	167	375	94.9	106	177
Đầu tư tài chính ngắn hạn	94.4	250	0.40	0.40	0.40
Phải thu ngắn hạn	1,193	848	776	457	372
Hàng tồn kho	241	285	411	277	319
Tài sản ngắn hạn khác	1.61	1.85	1.13	1.33	2.66
Tài sản dài hạn	864	1,068	1,068	1,646	1,658
Phải thu dài hạn	590	806	820	1,403	1,427
Tài sản cố định	253	241	228	217	207
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.67	0.23	0.22	3.32	3.00
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	21.1	20.8	20.7	22.4	21.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	360	529	616	594	505
Nợ ngắn hạn	356	524	611	589	501
Vay và nợ thuê ngắn hạn	69.3	234	170	207	191
Phải trả người bán ngắn hạn	199	194	174	239	212
Nợ dài hạn	4.67	4.37	4.34	4.33	4.25
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,202	2,299	1,736	1,895	2,023
Vốn chủ sở hữu	2,202	2,299	1,736	1,895	2,023
Vốn điều lệ	266	266	266	266	266
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)